

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 147/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30 - 10 - 2024

V/v: Ly hôn và nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thái Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Ngọc và ông Nguyễn Xuân Thí

Thư ký Tòa án: Bà Phan Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 02/2024/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 353/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 483/QĐST-HNGĐ ngày 11/01/2024; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị C**, sinh năm 1994

Nơi ĐKNKTT và chỗ ở hiện nay: **Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình**, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn: Anh **Trương Văn N**, sinh năm 1992

Nơi ĐKNKTT trước khi xuất cảnh: **Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Hiện cư trú tại: **đường A A B, C liên bang Đ**. Vắng mặt tại phiên tòa.

Thân nhân của anh **Trương Văn N**: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1965; địa chỉ: **Thôn N, xã N, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 27/12/2023, bản tự khai nguyên đơn chị **Phạm Thị C** trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị **C** và anh **Trương Văn N** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 04/5/2018 tại Ủy ban nhân dân xã **N, huyện B, tỉnh Quảng Bình**. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau hạnh phúc được một thời gian. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên vào năm 2019 anh **N** đi sang Cộng hòa liên bang **Đ** làm ăn. Thời gian đầu vợ chồng có liên lạc với nhau bằng điện thoại, zalo...nhưng mỗi lần liên lạc, hai vợ chồng nói chuyện được vài câu thì xảy ra cãi vã và phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu do vợ chồng ở xa nhau và thiếu tin tưởng lẫn nhau về

tình cảm và kinh tế. Hiện tại chị **C** thấy tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh **Trương Văn N**.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung tên là **Trương Thiên V**, sinh ngày 12/4/2019. Hiện đang sống cùng với chị **C**, nguyện vọng của chị **C** sau khi ly hôn là muốn được nuôi con và không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con, chị tự đảm bảo được cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị **C** trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh **Trương Văn N** hiện đang cư trú tại địa chỉ: đường A A B, Cộng hòa liên bang Đ.* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành các phương thức tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án theo quy định của pháp luật đối với bị đơn anh **N** và được **Đ1** tại **CHLB Đ** tổng đạt văn bản tố tụng cho anh **N** nhưng không có kết quả.

Tòa án đã tiến hành lấy lời khai bà **Nguyễn Thị H** (là mẹ ruột của anh **N**) về các nội dung liên quan đến việc chị **C** xin ly hôn anh **N**: Bà **H** trình bày, chị **C** và anh **N** xây dựng gia đình có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2018 tại **UBND xã N, huyện B**. Trong quá trình hai con sống chung với nhau, bà thấy vợ chồng hay xảy ra cãi vã đến năm 2019 thì anh **N** đi làm ăn tại **Đ** và hiện ở tại địa chỉ **đường A A B, Cộng hòa liên bang Đ**. Nay bà được biết chị **C** làm đơn xin ly hôn anh **N**, bà không có ý kiến gì. Anh **N** thường hay liên lạc với gia đình có nói với bà là đang giải quyết ly hôn để hai đứa ổn định cuộc sống riêng, vì không còn tình cảm với nhau nữa; Về con chung: anh **N** đồng ý giao cháu **Trương thiên V**, sinh ngày 12/4/2019 cho chị **C** chăm sóc nuôi dưỡng và theo thuận thì anh **N** không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: hai vợ chồng **C - N** không có; Bà đã nhận được các Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập đến phiên tòa, nhưng do sức khỏe, việc đi lại khó khăn bà xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, xét xử vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong vụ án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đảm bảo đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự,

Về nội dung: xử cho chị **Phạm Thị C** được ly hôn anh **Trương Văn N**; về con chung đề nghị xử giao cháu **Trương Thiên V** cho chị **C** tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị **C** không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung: không xem xét; các đương sự chịu án phí, lệ phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý của nguyên đơn, ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Công văn số 2508/CV-QLXNC, ngày 17/9/2024 của **Phòng Q Công an tỉnh Q** thì anh **Trương Văn N** đã xuất cảnh ra nước ngoài từ ngày 11/7/2019 qua SBQT Nội Bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Như vậy, theo quy định tại khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã ủy thác đến cơ quan **Đ1** tại **CHLB Đ** để tổng đạt các văn bản tố tụng và thu thập chứng cứ đối với anh **Trương Văn N** theo quy định tại khoản 1 Điều 474, Điều 475 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không có kết quả; Chị **C** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh **Trương Văn N** và chị **Phạm Thị C**.

[2] Về nội dung:

[2.1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Hội đồng xét xử xét thấy chị **Phạm Thị C** và anh **Trương Văn N** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/5/2018 tại **Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, Quảng Bình** nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo như chị **C** trình bày, quá trình chung sống với nhau hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và không có sự đồng cảm cho nhau, hai bên bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra xung đột. Đặc biệt từ khi anh **N** sang nước Đức làm ăn thì mỗi khi liên lạc giữa vợ chồng thường xảy ra cãi vã do không tin tưởng nhau về tình cảm lẫn kinh tế. Chị **C** khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên chị xin được ly hôn, anh **N** không có bản tự khai. Xét thấy, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị **Phạm Thị C** được ly hôn anh **Trương Văn N**.

[2.2]. *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có một con chung tên là **Trương Thiên V**, sinh ngày 12/4/2019. Hiện đang sống cùng với chị **C**, chị **C** có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con. Xét thấy hiện nay anh **N** đang ở nước ngoài, nguyện vọng của chị **C** xin được nuôi con là phù hợp nên giao cháu **V** cho chị **C** chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét thấy việc chị **C** không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, chị **C** tự đảm bảo các điều kiện nuôi con, cần chấp nhận sự tự nguyện của chị **C**.

[2.3]. *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung*: Không có, chị **C** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. *Về án phí, lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng và ủy thác ra nước ngoài:* Chị **C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng ra nước ngoài và đăng tin thông báo trên VOV5 theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147, Điều 153; các Điều 228, Điều 469, 474, 475; điểm a khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Áp dụng Điều 51, Điều 54, Điều 56, Điều 57, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị **Phạm Thị C** được ly hôn anh **Trương Văn N**.

2. *Về quan hệ con chung:* Xử giao cháu **Trương Thiên V**, sinh ngày 12/4/2019 cho chị **C** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của chị **C** không yêu cầu anh **N** đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Không ai có yêu cầu nên không xem xét.

4. *Về án phí, lệ phí:* Chị **C** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng được khấu trừ số tiền 300.000 đồng chị **C** đã nộp tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án tại biên lai số **0004782, ngày 04/01/2024** của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Chị **C** phải chịu 2.650.000 đồng tiền lệ phí tổng đạt văn bản tố tụng và đăng thông tin trên VOV5 (đã nộp đủ tại Tòa án).

5. Án sơ thẩm xử công khai, chị **C** có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; anh **N** có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh QB;
- Cục THADS tỉnh QB;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhân Trạch, h. Bố Trạch;
- Lưu Toà DS, HSVA, VP.

đã ký

Nguyễn Thái Sơn

